CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HUẾ
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
HueWACO
Website: www.huewaco.com.vn Email:info@huewaco.com.vn
Trụ sở: Số 103 đường Bùi Thị Xuân – TP.Huế Điện thoại: 0234.3815.555

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0557 ISO/IEC 17025:2017

Ngày: 13/08/2026

# PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

**1. Tên mẫu: NƯỚC SẠCH NHÀ MÁY XUÂN LỘC**
2. Vị trí lấy mẫu: Bể chứa nước sạch
3. Ngày lấy mẫu: 10/08/2026
4. Ngày nhận mẫu: 10/08/2026
5. Thời gian phân tích: 10 - 13/08/2026
6. Số lượng/Tình trạng mẫu:
Mẫu hóa lý chứa trong chai nhựa kín khoảng 500mL/mẫu (3 chai);
Mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh đã tiệt trùng khoảng 300mL/mẫu (1 chai).
7. Kết quả kiểm nghiệm:

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ | QCVN 01-1:2024/BYT QCĐP 01:2022/TT-H |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | *Coliform* (*) | CFU/ 100mL | TCVN 6187-1:2019 | KPH (LOD: 1) | < 1 |
| 2 | *E.coli* (*) | | | KPH (LOD: 1) | < 1 |
| 3 | Clo dư tự do (*) | mg/L | PCL.HD01.15 | 0,5 | 0,2 – 1,0 |
| 4 | Độ đục (*) | NTU | PCL.HD01.01 | 0,12 | ≤ 2 |
| 5 | Màu sắc | TCU | PCL.HD01.14 | KPH (LOD: 5) | ≤ 15 |
| 6 | Mùi | - | TCVN 2653:1978 | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ |
| 7 | pH (*) | - | PCL.HD01.02 | 7,0 | 6,0 – 8,5 |
| 8 | Amoni (tính theo N) | mg/L | TCVN 6179-1:1996 | 0,011 | ≤ 1 |
| 9 | Permanganat | mg/L | TCVN 6186:1996 | 0,24 | ≤ 2 |

*** Ghi chú:** KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử)
(*): Phương pháp thử đã đăng ký công nhận ISO/IEC 17025:2017

*** Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu phân tích đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y Tế và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn QCĐP 01:2022/TT-H.

| PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC | P.TỔNG GIÁM ĐỐC |
|---|---|
| Mai Xuân Tấn | Cao Huy Tường Minh |

M.S.D.N: 3300101491 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HUẾ THÀNH PHỐ HUẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HUẾ
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
HueWACO
Website: www.huewaco.com.vn Email:info@huewaco.com.vn
Trụ sở: Số 103 đường Bùi Thị Xuân – TP.Huế Điện thoại: 0234.3815.555

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0557 ISO/IEC 17025:2017

Ngày: 13/08/2026

# PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

**1. Tên mẫu: NƯỚC SẠCH MẠNG CẤP NHÀ MÁY XUÂN LỘC**

2. Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình tại thôn Xuân Lộc, xã Hưng Lộc, Thành phố Huế
3. Ngày lấy mẫu: 10/08/2026
4. Ngày nhận mẫu: 10/08/2026
5. Thời gian phân tích: 10 - 13/08/2026
6. Số lượng/Tình trạng mẫu:
   Mẫu hóa lý chứa trong chai nhựa kín khoảng 500mL/mẫu (3 chai);
   Mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh đã tiệt trùng khoảng 300mL/mẫu (1 chai).
7. Kết quả kiểm nghiệm:

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ | QCVN 01-1:2024/BYT QCĐP 01:2022/TT-H |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | *Coliform* (*) | CFU/ 100mL | TCVN 6187-1:2019 | KPH (LOD: 1) | < 1 |
| 2 | *E.coli* (*) | | | KPH (LOD: 1) | < 1 |
| 3 | Clo dư tự do (*) | mg/L | PCL.HD01.15 | 0,4 | 0,2 – 1,0 |
| 4 | Độ đục (*) | NTU | PCL.HD01.01 | 0,14 | ≤ 2 |
| 5 | Màu sắc | TCU | PCL.HD01.14 | KPH (LOD: 5) | ≤ 15 |
| 6 | Mùi | - | TCVN 2653:1978 | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ |
| 7 | pH (*) | - | PCL.HD01.02 | 7,0 | 6,0 – 8,5 |
| 8 | Amoni (tính theo N) | mg/L | TCVN 6179-1:1996 | 0,010 | ≤ 1 |
| 9 | Permanganat | mg/L | TCVN 6186:1996 | 0,24 | ≤ 2 |

*** Ghi chú:** KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử)
(*): Phương pháp thử đã đăng ký công nhận ISO/IEC 17025:2017

*** Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu phân tích đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y Tế và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn QCĐP 01:2022/TT-H.

| PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC | P.TỔNG GIÁM ĐỐC |
|---|---|
| Mai Xuân Tấn | Cao Huy Tường Minh |

M.S.D.N: 3300101491-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HUẾ THÀNH PHỐ HUẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HUẾ
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
HueWACO
*Website: www.huewaco.com.vn* *Email:info@huewaco.com.vn*
*Trụ sở: Số 103 đường Bùi Thị Xuân – TP.Huế* *Điện thoại: 0234.3815.555*
VLAT 1.0557
ISO/IEC 17025:2017

Ngày: 13/08/2026

# PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

**1. Tên mẫu: NƯỚC SẠCH MẠNG CẤP NHÀ MÁY XUÂN LỘC**
2. Vị trí lấy mẫu: Hộ gia đình tại thôn Phúc Lộc, xã Hưng Lộc, Thành phố Huế
3. Ngày lấy mẫu: 10/08/2026
4. Ngày nhận mẫu: 10/08/2026
5. Thời gian phân tích: 10 - 13/08/2026
6. Số lượng/Tình trạng mẫu:
Mẫu hóa lý chứa trong chai nhựa kín khoảng 500mL/mẫu (3 chai);
Mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh đã tiệt trùng khoảng 300mL/mẫu (1 chai).
7. Kết quả kiểm nghiệm:

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ | QCVN 01-1:2024/BYT QCĐP 01:2022/TT-H |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | *Coliform* (*) | CFU/ 100mL | TCVN 6187-1:2019 | KPH (LOD: 1) | < 1 |
| 2 | *E.coli* (*) | | | KPH (LOD: 1) | < 1 |
| 3 | Clo dư tự do (*) | mg/L | PCL.HD01.15 | 0,3 | 0,2 – 1,0 |
| 4 | Độ đục (*) | NTU | PCL.HD01.01 | 0,15 | ≤ 2 |
| 5 | Màu sắc | TCU | PCL.HD01.14 | KPH (LOD: 5) | ≤ 15 |
| 6 | Mùi | - | TCVN 2653:1978 | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ |
| 7 | pH (*) | - | PCL.HD01.02 | 7,0 | 6,0 – 8,5 |
| 8 | Amoni (tính theo N) | mg/L | TCVN 6179-1:1996 | 0,011 | ≤ 1 |
| 9 | Permanganat | mg/L | TCVN 6186:1996 | 0,24 | ≤ 2 |

*** Ghi chú:** KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử)
(*): Phương pháp thử đã đăng ký công nhận ISO/IEC 17025:2017

*** Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu phân tích đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y Tế và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn QCĐP 01:2022/TT-H.

**PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC** **P.TỔNG GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N: 3300101491 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ

**Mai Xuân Tấn** **Cao Huy Tường Minh**